

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO |
|-------------|--|
| CLO1 | Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, bản chất, chức năng, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý |
| CLO2 | Giải thích được cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người |
| CLO3 | Phân tích được sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách và sự hình thành nhân cách. |
| CLO4 | Giải thích được các hoạt động tâm lý cơ bản (nhận thức, ngôn ngữ, trí nhớ, tình cảm, ý chí) |
| CLO5 | Vận dụng kiến thức vào việc tìm hiểu, nhận biết, giải thích các hiện tượng tâm lý trong đời sống và hoạt động nghề nghiệp. |
| CLO6 | Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, nhìn nhận và đánh giá các hiện tượng tâm lý theo quan điểm khoa học. |

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

| PLO | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
|-------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|
| CLO 1 | I | I | | | | | | M | M | M |
| CLO 2 | I | I | | | | | | M | M | M |
| CLO 3 | I | I | | | | | | M | M | M |
| CLO 4 | I | I | | | | | | M | M | M |
| CLO 5 | R | R | | | | | | M | M | M |
| CLO 6 | I | I | | | | | | M | M | M |
| Tổng hợp học phần | I | I | | | | | | M | M | M |

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

| Thành phần đánh giá | Trọng số | Bài đánh giá | Trọng số con | Rubric (đánh dấu X nếu có) | Lquan đến CDR | Hướng dẫn phương pháp đánh giá |
|--------------------------------|----------|---|--------------|----------------------------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá toàn bộ quá trình - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% | X | CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 | Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trong giờ học. |

| | | | | | | |
|----------------------------------|-----|--|------|--|--|--|
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30% | A2.1. Tuần 8 Chương 1 Chương 2 Chương 3 Chương 4 | 50% | | CLO 3 CLO 5 | Tự luận, bài tập |
| | | A2.2. Tuần 15 Chương 5 Chương 6 Chương 7 | 50% | | CLO 4 CLO 5 | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 65% | Chương 1 Chương 2 Chương 3 Chương 4 Chương 5 Chương 6 Chương 7 | 100% | | CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 | Tự luận, vấn đáp, vấn đáp - thực hành, tiểu luận, trắc nghiệm - tự luận. |

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

| Tuần / Buổi (2tiết / b) | Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số) | Số tiết (LT/ TH/ TT) | CĐR của bài học (chương)/ chủ đề | Liên quan đến CĐR | PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(*) | Tên bài đánh giá (cột 3 bảng 3) |
|-------------------------|---|----------------------|---|-------------------|---|--|---------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Tâm lý học là một khoa học 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, vị trí và ý nghĩa của TLH 1.2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý | 2LT | - Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, bản chất, chức năng của các hiện tượng tâm lý | CLO1 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV | |
| 2 | 1.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý | 1LT 1BT | - Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp nghiên | CLO1 CLO5 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.... | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động | |

| | | | | | | | |
|---|---|------------|---|----------------------|---|--|--|
| | | | cứu tâm lý | | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV Bài tập: Bản chất của hiện tượng TL người | |
| 3 | Chương 2. Cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý người 2.1. Cơ sở tự nhiên | 2LT | - Giải thích được cơ sở tự nhiên của tâm lý người | CLO2 CLO5 CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV | |
| 4 | 2.2. Cơ sở xã hội | 1LT 1BT | - Giải thích được cơ sở xã hội của tâm lý người - Phân tích được đặc điểm, cấu trúc của hoạt động - Hiểu và vận dụng được các chức năng của giao tiếp | CLO2 CLO5 CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV Bài tập: Chức năng giao tiếp, cấu trúc hoạt động | |
| 5 | Chương 3. Sự hình thành và phát triển tâm lý 3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý 3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức | 2LT | - Phân tích được sự hình thành, phát triển tâm lý | CLO3 CLO5 CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV | |

| | | | | | | | |
|---|---|------------|--|----------------------|--|--|------|
| 6 | <p>3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức (tt)</p> <p>Chương 4. Nhân cách và sự hình thành nhân cách</p> <p>4.1. Khái niệm chung về nhân cách</p> | 1LT 1BT | <p>- Hiểu và vận dụng được sự hình thành, phát triển ý thức</p> <p>- Trình bày được khái niệm về nhân cách</p> | CLO3 CLO5 CLO6 | <p>- PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm....</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector</p> | <p>- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV</p> <p>Bài tập: - Làm rõ các thuộc tính của chú ý và rút ra KLSP</p> | |
| 7 | <p>4.2. Cấu trúc của nhân cách</p> <p>4.3. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách</p> | 1LT 1BT | <p>- Hiểu và vận dụng được các thuộc tính tâm lý của nhân cách</p> | CLO3 CLO5 CLO6 | <p>- PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm....</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector</p> | <p>- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV</p> <p>Bài tập: Làm rõ các thuộc tính tâm lý của nhân cách (xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực) và rút ra KLSP</p> | |
| 8 | <p>4.4. Sự hình thành phát triển nhân cách</p> | 1LT 1BT | <p>- Hiểu và vận dụng được sự hình thành, phát triển nhân cách</p> | CLO3 CLO5 CLO6 | <p>- PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm....</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector</p> | <p>- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra</p> <p>Bài tập: Phân tích vai trò của các yếu tố chi phối sự hình thành, phát triển nhân cách. Rút ra KLSP.</p> | A2.1 |

| | | | | | | | |
|----|---|------------|--|----------------------|---|--|--|
| 9 | <p>Chương 5. Hoạt động nhận thức 5.1. Nhận thức cảm tính</p> | 1LT 1BT | - Hiểu và vận dụng được các đặc điểm, vai trò, quy luật của cảm giác, tri giác | CLO4 CLO5 CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV Bài tập: Trình bày các quy luật cơ bản của cảm giác và tri giác. Ứng dụng chúng vào trong đời sống và hoạt động sư phạm. | |
| 10 | 5.1. Nhận thức cảm tính (tt) 5.2. Nhận thức lý tính | 1LT 1BT | - Hiểu và vận dụng được các đặc điểm, vai trò, quy luật của tư duy | CLO4 CLO5 CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV Bài tập: Từ những đặc điểm của tư duy, hãy nêu những yêu cầu cơ bản trong dạy học và giáo dục nhằm phát triển tư duy cho học sinh. | |
| 11 | 5.2. Nhận thức lý tính (tt) | 1LT 1BT | - Hiểu và vận dụng được các đặc điểm, vai trò, bản chất của tượng tưởng | CLO4 CLO5 CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra Bài tập: Phân tích bản chất, đặc điểm cơ | |

| | | | | | | | |
|----|---|------------|---|----------------------|---|--|------|
| | | | | | | bản của tưởng tượng. Vận dụng trong dạy học và giáo dục học sinh. | |
| 12 | Chương 6. Ngôn ngữ và trí nhớ 6.1. Ngôn ngữ | 2LT | - Hiểu và vận dụng được đặc điểm, vai trò của ngôn ngữ | CLO4 CLO5 CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C5 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV | |
| 13 | 6.2. Trí nhớ | 1LT 1BT | - Phân tích và vận dụng được đặc điểm, các quá trình cơ bản của trí nhớ | CLO4 CLO5 CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C5 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV. Bài tập: Đề có trí nhớ tốt cần có những biện pháp nào? Vận dụng chúng trong dạy học | |
| 14 | Chương 7. Tình cảm và ý chí 7.1. Tình cảm | 1LT 1BT | - Phân tích và vận dụng được đặc điểm, vai trò và các quy luật của tình cảm | CLO4 CLO5 CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C6 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV Bài tập: Phân tích vai trò của tình cảm và rút ra kết luận sự phạm cần thiết. | |
| 15 | 7.2. Ý chí | 2 | - Phân tích được đặc điểm, vai trò của ý chí | CLO4 CLO5 CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C7 tài | A2.2 |

| | | | | | | | |
|---------------|------------------|---|--|--|---|--|----|
| | | | - Hiểu và vận dụng được hành động ý chí, hành động tự động hóa | | thảo luận nhóm... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra | |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kỳ | - | - | CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 | - | Hoàn thành bài thi | A3 |

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

| TT | Tên tác giả | Năm XB | Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản | NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB |
|-----------------------------------|--|--------|--|---|
| Giáo trình chính | | | | |
| 1 | Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) | 2014 | Tâm lý học đại cương | NXB ĐHSP |
| 2 | Nguyễn Thị Thùy Vân Nguyễn Thị Như Phượng | 2021 | Tâm lý học đại cương | Giáo trình lưu hành nội bộ, Trường ĐHQB |
| Sách, giáo trình tham khảo | | | | |
| 3 | Phan Trọng Ngọ | 2005 | Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học đại cương | NXB ĐHSP |
| 4 | Trần Trọng Thủy | 2002 | Bài tập thực hành Tâm lý học | NXB ĐHQG Hà Nội |
| 5 | Nguyễn Xuân Thúc | 2013 | Giáo trình Tâm lý học đại cương | NXB ĐHSP |
| 6 | Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) | 2004 | Tâm lý học đại cương | NXB ĐHSP |

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

| TT | Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH | Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH | | Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương |
|----|---------------------------------------|---|----------|-------------------------------------|
| | | Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,... | Số lượng | |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 01 | Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 |

9. Rubric đánh giá:

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định | | | | | Trọng số |
|-------------------|-------------------------------------|---|---|--|---|----------|
| | MỨC F (0-3.9) | MỨC D (4.0-5.4) | MỨC C (5.5-6.9) | MỨC B (7.0-8.4) | MỨC A (8.5-10) | |
| Chuyên cần | Không đi học (<30%). | Đi học không chuyên cần (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%). | 50% |
| Đóng góp tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | 50% |

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định | | | | | Trọng số |
|-------------------|---------------------------|---|--|---|---|----------|
| | MỨC F (0-3.9) | MỨC D (4.0-5.4) | MỨC C (5.5-6.9) | MỨC B (7.0-8.4) | MỨC A (8.5-10) | |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | 20% |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp. | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước). | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý. | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý. | 30% |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo | 50% |

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định | | | | | Trọng số |
|-------------------|---------------------------|--------------------------------------|--|--|---|----------|
| | MỨC F (0-3.9) | MỨC D (4.0-5.4) | MỨC C (5.5-6.9) | MỨC B (7.0-8.4) | MỨC A (8.5-10) | |
| | | số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | câu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót . | yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày đúng, rõ ràng. | yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | |

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Dương Thị Ánh Tuyết

ThS. Hoàng Thị Tường Vi

ThS. Nguyễn Thị Như Phương